TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày: 07/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Triều.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Hoàng Diễm.**
2. Ông **Trần Văn Tiền.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông **Cái Chí Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Hoàng N, sinh năm 1995; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: 73 ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Trần Nam X và bà Đặng Thị Tuyết L (đã chết); Bị cáo chưa có vợ và con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2023, đến ngày 05/6/2023 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Võ V, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: 118, Khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: 40, Đường số A, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt phiên tòa)

3. Công ty TNHH T3;

Trụ sở chính: 55, Đường số A, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Trần Khánh T - Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T3: Trần Hữu D, sinh năm 1991. Nơi thường trú: Ấp D, Nguyễn P, U, Cà Mau. Nơi ở hiện tại: 79, C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S, số A, P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Hàn Ngọc V1 – Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q: Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1992. Nơi cư trú: B, M, L, An Giang. Nơi ở hiện tại: 772, Đ, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Lê Văn T1, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/6/2023, Trần Hoàng N nhận được cuộc điện thoại của một người đàn ông tên "Quẹo" (không rõ họ tên, địa chỉ) để thuê N vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu đi từ huyện Đ, tỉnh Long An về tỉnh Trà Vinh thì được N đồng ý. Tiền công thoả thuận là 700.000đồng/01 chuyến, vận chuyển xong 03 chuyến thì nhận tiền một lần. Đến 08 giờ 30 phút ngày 02/6/2023, theo chỉ dẫn của "Quẹo", N đến khu vực vòng xoay T thuộc xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì tại đây có một người đàn ông tên "Khoa" (không rõ họ tên, địa chỉ) điều khiển xe ô tô biển số 51H-814.41 đến và chở N đến gặp "Quẹo" tại khu vực gần Trường Trung học cơ sở M1, thuộc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Tại đây, "Quẹo" giao xe ô tô biển số 51H-814.41 cho N và hẹn N đến khoảng 17 giờ thì trở lại đây để nhận thuốc lá chở đi giao. Đến khoảng 20 giờ, N trở lại điểm hẹn thì thấy "Quẹo", "Khoa" cùng với 02 người đàn ông chở theo 12 bao nylon màu đen và 07 bao nylon màu trắng, bên trong chứa 10.000 bao thuốc lá (gồm: 6.000 bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 3.000 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO; 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT) đến chỗ xe N đang đợi và cùng chất 12 bao nylon lên xe ô tô, sau đó N điều khiển xe ô tô đi về tỉnh Trà Vinh. Trên đường vận

chuyển, N có liên hệ điện thoại với một người đàn ông sử dụng số thuê bao có 03 chữ số cuối là "307" để hẹn điểm giao thuốc lá về khu vực Quốc lộ E, thuộc huyện T, tỉnh Trà Vinh sẽ có người đón. Đến 22 giờ cùng ngày, khi N điều khiển xe đến ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh B và Công an huyện C, tỉnh Bến Tre phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ:

+ 10.000 bao thuốc lá điếu (6.000 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu JET; 3.000 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu HERO; 1.000 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu SCOTT), niêm phong trong 12 bao nylon màu đen và 07 bao nylon màu trắng;

+ 01 xe ô tô hiệu Hyundai, loại Accent 1.4 màu trắng, biển số 51H-814.41;

+ 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD5894028 đối với xe ô tô biển số 51H-814.41;

+ 01 thẻ căn cước công dân số 083095010324 mang tên Trần Hoàng N;

+ 01 giấy phép lái xe hạng C, số 830136003882 mang tên Trần Hoàng N;

+ 01 điện thoại đi động hiệu N2 RM-1110, màu đen, gắn 01 sim số thuê bao 0843.287.839;

+ 01 điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro, màu xanh, gắn 01 sim số thuê bao 0395.853.803.

Tại Công văn số: 85/CV-2023-HHTLVN, ngày 05/6/2023 của H xác định 10.000 bao thuốc lá điếu có nhãn hiệu: JET (6.000 bao), SCOTT (1.000 bao) và HERO (3.000 bao) gửi thẩm định kèm Công văn số 142/CĐCSKT-MT ngày 03/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre là thuốc lá điếu nhập lậu.

Cáo trạng số: 17/CT-VKSCT ngày 11/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trần Hoàng N về "Tội vận chuyển hàng cấm" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng N phạm "Tội vận chuyển hàng cấm".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Hoàng N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho bị cáo Trần Hoàng N: một thẻ Căn cước công dân số 083095010324 mang tên Trần Hoàng N; một giấy phép lái xe hạng C, số 830136003882 mang tên Trần Hoàng N; đã trả lại cho anh Nguyễn Võ V: một điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro màu xanh có gắn một sim điện thoại số thuê bao 0395.853.803.

+ Tịch thu, tiêu huỷ: 6.000 bao thuốc lá nhãn hiệu JET, 3.000 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT, đựng trong 12 bao nylon màu đen và 07 bao nylon màu trắng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Võ V: 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1110 màu đen, gắn 01 sim số thuê bao 084.328.7839.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh M: 01 xe ô tô hiệu Hyundai, loại Accent 1.4 màu trắng, biển kiểm soát 51H-814.41; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD5894028 của xe ô tô biển kiểm soát 51H-814.41.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và tại lời nói sau cùng của bị cáo, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Võ V, Nguyễn Thị Thanh M và người chứng kiến vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy Nguyễn Võ V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Nguyễn Thị Thanh M có đơn xin vắng mặt phiên tòa; những người này đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp nhau, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 20 giờ ngày 02/6/2023, Trần Hoàng N nhận điều khiển xe ô tô biển số 51H-814.41 vận chuyển thuê

10.000 bao thuốc lá điếu (gồm 6.000 bao thuốc lá điếu hiệu JET, 3.000 bao thuốc lá điếu hiệu HERO, 1.000 bao thuốc lá điếu hiệu SCOTT) đi từ huyện Đ, tỉnh Long An về tỉnh Trà Vinh với tiền công là 700.000đồng/chuyến. Đến 22 giờ cùng ngày, khi đang trên đường vận chuyển đến khu vực ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an tỉnh B và Công an huyện C, tỉnh Bến Tre bắt quả tang cùng tang vật. Tại Công văn số 85/CV-2023-HHTLVN ngày 05/6/2023 của H xác định 10.000 bao thuốc lá điếu có nhãn hiệu: JET (6.000 bao), SCOTT (1.000 bao) và HERO (3.000 bao) nêu trên là thuốc lá điếu nhập lậu.

[3] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu là hành vi vi phạm pháp luật bị nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 51H-814.41 để vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu đi từ huyện Đ, tỉnh Long An về tỉnh Trà Vinh với số lượng thuốc lá điếu nhập lậu là 10.000 bao (gồm: 6.000 bao hiệu JET, 3.000 bao hiệu HERO, 1.000 bao hiệu SCOTT). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Hoàng N đã phạm "Tội vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có ông nội là Trần Văn N1 là thương binh hạng 4/4 và là người thờ cúng Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng Cao Thị Đ, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong công tác quản lý thị trường và gây thiệt hại kinh tế cho những chủ thể kinh doanh hợp pháp trong lĩnh vực này. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở

thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Xử lý vật chứng:

+ Đối với một thẻ Căn cước công dân số 083095010324 mang tên Trần Hoàng N; một giấy phép lái xe hạng C, số 830136003882 mang tên Trần Hoàng N là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bị cáo là phù hợp nên ghi nhận.

+ Đối với một điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro, màu xanh, có gắn một sim điện thoại số thuê bao 0395.853.803, bị cáo xác định đây là điện thoại do bị cáo mượn của anh Nguyễn Võ V để liên lạc cá nhân, qua làm việc anh V cũng xác định đây là tài sản của anh cho bị cáo mượn, quá trình điều tra xác định không có liên quan đến hành vi vận chuyển hàng cấm của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho anh Nguyễn Võ V là phù hợp nên ghi nhận.

+ Đối với 6.000 bao thuốc lá nhãn hiệu JET, 3.000 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT, đựng trong 12 bao nylon màu đen và 07 bao nylon màu trắng là hàng cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu huỷ.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM- 1110 màu đen, gắn 01 sim số thuê bao 084.328.7839, bị cáo khai nhận đây là điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với các đối tượng tên "Quẹo", "Khoa" và một người đàn ông sử dụng số thuê bao có 03 chữ số cuối là "307" trong quá trình bị cáo vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu. Tuy nhiên, bị cáo xác định đây là điện thoại do bị cáo mượn của anh Nguyễn Võ V. Qua làm việc, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của anh V nên có căn cứ xác định điện thoại trên là tài sản của anh V. Quá trình điều tra, anh V khẳng định không biết việc bị cáo sử dụng điện thoại để liên lạc với các đối tượng để vận chuyển hàng cấm, anh có yêu cầu nhận lại tài sản nên trả lại cho anh Nguyễn Võ V.

+ Đối với 01 xe ô tô hiệu Hyundai, loại Accent 1.4 màu trắng, biển kiểm soát 51H-814.41; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD5894028 của xe ô tô biển kiểm soát 51H-814.41, qua xác minh xác định xe ô tô biển số 51H-814.41 do bà Nguyễn Thị Thanh M đứng tên chủ sở hữu xe. Quá trình điều tra xác định bà M cùng với chồng là ông Trần Khánh T đã ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 05/02/2021 thế chấp xe ô tô biển số 51H-814.41 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bà M và ông T. Vào ngày 20/5/2023, Công ty TNHH T3 có làm hợp đồng cho thuê xe biển số 51H-814.41, bên thuê là anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1994, địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Xét giao dịch cho thuê giữa Công ty TNHH T3 và anh Nguyễn Văn T2: Qua làm việc, chủ xe là bà M cho biết đã giao xe cho Công ty TNHH T3 (Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Khánh T) để đưa vào kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái, do bà M và ông T là vợ chồng nên việc bà M đưa xe cho Công ty để hoạt động kinh doanh không có làm giấy tờ gì. Tại biên bản ghi lời khai, ông Trần Khánh T cũng đã xác nhận sự việc trên; lời khai của bà M và ông T là phù hợp nhau nên có căn cứ xác định xe ô tô biển số 51H-814.41 đã được bà M giao cho Công ty TNHH T3 hoạt động kinh doanh. Qua làm việc, đại diện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cũng xác nhận đồng ý cho bà M và ông T cho thuê lại tài sản thế chấp để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái với điều kiện việc cho thuê xe có hợp đồng. Từ đó có cơ sở xác định, việc Công ty TNHH T3 cho thuê xe là phù hợp.

Xét quyền lợi của bên nhận thế chấp tài sản, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định bà M vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không có yêu cầu gì đối với xe ô tô biển số 51H-814.41 và đề nghị trả lại xe cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra, bà M có yêu cầu nhận lại xe. Tại tòa, Công ty TNHH T3 đồng ý để cho bà M nhận lại xe. Mặc dù, quá trình điều tra xác minh không xác định được người có tên Nguyễn Văn T2 có thông tin như trên sinh sống tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, tuy nhiên bà M và ông T đều khẳng định không biết việc bị cáo Trần Hoàng N sử dụng xe ô tô biển số 51H-814.41 để vận chuyển hàng cấm. Xét thấy, do đây là dịch vụ cho thuê xe tự lái và bị cáo không phải là người đứng tên thuê xe trong hợp đồng với Công ty TNHH T3, nội dung hợp đồng cho thuê xe có thỏa thuận về trách nhiệm của bên thuê xe: "không được cầm cố thế chấp, sử dụng xe trái mục đích, vi phạm pháp luật (vận chuyển trái phép chất cấm, ma túy, hàng lậu và những đối tượng truy nã, trốn tránh pháp luật)", nên có căn cứ khẳng định bà M, ông T không biết về hành vi phạm tội của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử trả lại xe và giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số 51H-814.41 cho chủ sở hữu. Xe hiện tại do bà M đứng tên chủ sở hữu; tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T3 thống nhất đồng ý để cho bà M nhận lại xe nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với người đàn ông tên "Quẹo" thuê bị cáo vận chuyển hàng cấm; người đàn ông tên "Khoa" chở bị cáo đi đến địa điểm nhận hàng cấm; người đàn ông sử dụng số thuê bao có 03 chữ số cuối là "307" yêu cầu bị cáo chở số hàng cấm đến địa điểm nhận hàng và 02 người đàn ông chở hàng cấm đến giao cho bị cáo: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã tiến hành xác minh đối với chủ thuê bao của số thuê bao có 03 chữ số

cuối là "307" và chủ các số điện thoại mà các đối tượng "Quẹo", "Khoa" đã dùng để liên lạc với bị cáo trong quá trình thuê bị cáo vận chuyển hàng cấm (theo lời khai của bị cáo) nhưng đều không xác định được đối tượng; kết quả xác minh với Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cũng không phát hiện được họ tên, địa chỉ của các đối tượng nên không có cơ sở xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng N phạm *"Tội vận chuyển hàng cấm"*.

[1] *Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng N **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2023.

[2] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Xử lý vật chứng:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho bị cáo Trần Hoàng N: một thẻ Căn cước công dân số 083095010324 mang tên Trần Hoàng N; một giấy phép lái xe hạng C, số 830136003882 mang tên Trần Hoàng N; đã trả lại cho anh Nguyễn Võ V: một điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro màu xanh có gắn một sim điện thoại số thuê bao 0395.853.803.

+ Tịch thu, tiêu huỷ: 6.000 bao thuốc lá nhãn hiệu JET, 3.000 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT, đựng trong 12 bao nylon màu đen và 07 bao nylon màu trắng, ký hiệu từ 01 đến 19 (đã được niêm phong); (giấy niêm phong số 07, 12, 19 bị mối mọt).

+ Trả lại cho anh Nguyễn Võ V: Một điện thoại di động hiệu NOKIA, model: RM-1110, màu đen, IMEI 1: 358614/06/094078/6, IMEI 2: 358614/06/094079/4, có gắn một sim điện thoại của số thuê bao 0843287839.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh M: Một xe ô tô hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT 1.4, màu trắng, biển kiểm soát 51H-814.41; Một giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD5894028 của xe ô tô biển kiểm soát 51H-814.41.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

[3] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*; *Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ*

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Hoàng N có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- CQ THAHS CA tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Bộ phận HS CA huyện Châu Thành;
- UBND xã Lương Quới;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Triều